

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/DS-PT.

Ngày: 05/4/2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ngọc Hương.

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/DSPT ngày 25 tháng 02 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 778/2022/QĐPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Lê Tấn P, sinh năm 1972.

2/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: 876/35/8 đường CMTT, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hà Thanh S, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 876/17 đường CMTT, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 876/17 đường CMTT, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông Hà Thanh S – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn là ông Lê Tấn P, bà Phạm Thị T và trong quá trình tố tụng trình bày:

Vì là hàng xóm với nhau và có quen biết từ trước nên nguyên đơn có cho ông S mượn tiền nhiều lần và sau đó có ký giấy mượn tiền bằng tay mà không giữ bất kì giấy tờ gì của ông S. Từ khi mượn nợ đến nay, ông S không có bất kỳ phản hồi nào cho nguyên đơn về việc trả nợ. Sợ ông S không trả tiền, vợ chồng ông bà đã nhiều lần chủ động đến nhà ông S để đòi tiền nhưng ông S vẫn chưa thanh toán cho ông bà. Số tiền nợ quá lâu đã thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn, nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền theo Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 là 1.780.000.000 đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Hà Thanh S là bị đơn trình bày:

Ông thừa nhận ông có viết Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 cho ông Lê Tấn P (tên gọi hàng ngày là Th) và bà Phạm Thị T, nhưng đây không phải là giấy mượn tiền mà là giấy tổng hợp tiền lãi cộng dồn của số tiền ông đã mượn ông Lê Tấn P (tên gọi hàng ngày là Thao) và bà Phạm Thị T trước đây từ năm 2013 kéo dài đến 2019, số tiền mượn lúc đầu chỉ có 50.000.000 đồng, lãi suất là 10%/tháng. Do đó, ông không đồng ý trả lại toàn bộ số tiền cho nguyên đơn như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã trình bày.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà là vợ ông S, việc vay mượn bà không biết và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông S trả lại số tiền 1.780.000.000 đồng vì ông S không mượn số tiền này, đây là tiền lãi cộng dồn lại chứ không phải tiền vốn ông S mượn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.780.000.000 đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn xác nhận giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 do bị đơn viết, nhưng bị đơn cho rằng không mượn số tiền 1.780.000.000 đồng của nguyên đơn theo giấy mượn tiền này, đây là tiền lãi của các khoản vay cộng lại, nay bị đơn đề nghị chỉ trả $\frac{1}{2}$ số tiền là 890.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng việc mượn tiền của ông S là không có, bà hoàn toàn không biết việc vay mượn này và cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, nếu nguyên đơn đồng ý chỉ lấy số tiền 890.000.000 đồng và đồng ý để ông S trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng thì bà đồng ý cùng với ông S trả nợ nhưng nếu nguyên đơn không đồng ý thì bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người

tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Tấn P (tên gọi hàng ngày là Th) và bà Phạm Thị T:

Buộc bị đơn ông Hà Thanh S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Tấn P (tên gọi hàng ngày là Thao) và bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền 1.780.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng) để chấm dứt nghĩa vụ trả nợ theo Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019.

Thời hạn và phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận cho bị đơn chỉ trả số tiền là 650.000.000 đồng, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Hà Thanh S nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019: Phía bị đơn (ông S) xác nhận ông S có mượn tiền của vợ chồng ông Phong (Tên thường gọi là Thao) và bà Trọng và Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 là do chính ông S viết, tuy nhiên ông S cho rằng số tiền nợ 1.780.000.000 là tổng hợp từ số tiền lãi mà ông mượn nhiều lần trước đây. Tại cấp sơ thẩm, ông S chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số nợ theo giấy mượn tiền này là 890.000.000 đồng bằng cách trả 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 nên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo giấy mượn tiền này là có căn cứ.

[2.2] Xét đơn kháng cáo của ông S: Tại đơn kháng cáo ông S xác nhận ông S có mượn tiền của vợ chồng ông Phong (Tên thường gọi là Thao) và bà Trọng, Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 là do chính ông S viết, nhưng ông S cho rằng số tiền 1.780.000.000 đồng là tổng hợp của số tiền vay và tiền lãi của nhiều lần ông S mượn vợ chồng ông Phong nhưng sau đó không có khả năng trả. Nay ông S chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Phong số tiền là 650.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông S vay mượn tiền của vợ chồng ông Phong và bà Trọng là có thật, ông S xác nhận có vay nhưng số tiền vay không phải là 1.780.000.000 đồng như ông đã ghi trong giấy mượn tiền. Tại cấp sơ thẩm ông S yêu cầu trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số nợ theo giấy mượn tiền này là 890.000.000 đồng bằng cách trả 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ; Tại đơn kháng cáo ông S yêu cầu chỉ trả cho nguyên đơn 650.000.000 đồng và tại phiên tòa ông S yêu cầu chỉ trả cho nguyên đơn 650.000.000 đồng, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, ông S không có gì chứng minh cho lời trình bày của ông ngoài giấy mượn tiền ngày 08 tháng 7 năm 2019 này nên yêu cầu của ông S không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, tại đơn kháng cáo ông S yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại đoạn ghi âm ông S giao nộp tại cấp sơ thẩm, ông cho rằng đoạn ghi âm này thể hiện ông đã trả tiền lãi lên đến hơn 2 tỷ đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy, trong hồ sơ thể hiện tại cấp sơ thẩm ông S có giao nộp USB ông cho rằng có ghi lại đoạn ghi âm, sau đó tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành các buổi công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải tuy nhiên tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải vợ chồng ông S và bà Hiền đều vắng mặt. Đây chỉ là đoạn ghi âm do ông S tự ý ghi lại khi ông trao đổi bằng điện thoại với vợ chồng ông Phong, việc ghi âm này vợ chồng ông Phong không biết và không thừa nhận nên không đủ cơ sở để xem xét.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác; xét Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra xác minh đầy đủ, căn cứ các quy định pháp luật đã viện dẫn; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ phát biểu của đại diện VKS, xác định yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án của cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Căn cứ đơn xin miễn án phí vì bị đơn là người cao tuổi; Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 38; Khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Hà Thanh S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc ông Hà Thanh S có trách nhiệm trả cho ông Lê Tấn P và bà Phạm Thị T số tiền là 1.780.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Hà Thanh S được miễn nộp án phí. Hoàn lại cho ông Lê Tấn P và bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.700.000 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069024 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Nhung